TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2021/HS-ST
Ngày 30/03/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

-T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác và bà Hoàng Thị C.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2021/HSST, ngày 08/01/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS, ngày 17/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST –QĐ, ngày 01/3/2021, đối với bị cáo:

- Họ và tên: T, tên gọi khác: Long, sinh năm 1989; tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: số a Bis, khu phố 1, phường L, T phố T, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 05/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Đ, sinh năm 1961 và con bà: A, sinh năm 1961, hiện cùng trú tại số a Bis, khu phố 1, phường L, T phố T, tỉnh Bình Dương. Bị can là con thứ 4 trong gia đình có 05 chị, em.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; 01 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Bản án số 164/2014/HSST ngày 12/12/2014 của Tòa án nhân dân T phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; bồi thường 38.714.000 đồng; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.935.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 30/9/2015 chấp hành xong hình phạt tù. Bản án số 19/2017/HSST ngày 14/02/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bồi thường số tiền 194.016.000 đồng; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 9.700.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 09/04/2020 chấp hành xong hình phạt tù.

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/10/2020 đến ngày 01/11/2020 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh C, sinh năm 1995, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Z, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn Tiến – sinh năm 1995, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Anh W– sinh năm 1997, vắng mặt.

Địa chỉ: khu phố H, phường T, T phố T, tỉnh Bình Dương.

Anh D– sinh năm 1990, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số Q, lô D, khu phố B, phường A, T phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T và C có mối quan hệ quen biết khi cùng chấp hành án tại K1 – Trại giam Tống Lê Chân – Bộ Công an. Đến cuối tháng 4/2020, sau khi chấp hành án phạt tù xong trở về địa phương, C rủ T xuống nhà C chơi thì T đồng ý. Khoảng đầu tháng 10/2020, T một mình đón xe khách đi từ tỉnh Bình Dương đến nhà C ở Thôn Z, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông chơi và ở ăn uống, sinh hoạt tại nhà của C.

Tối ngày 10/10/2020, C và T ngủ chung một giường. Khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 11/10/2020, T tỉnh dậy hút thuốc thì nhìn thấy chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 48E1-205.58 *(xe mô tô thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn Tiến nhưng cho C mượn để đi lại)* và 01 ví da màu nâu để cạnh vị trí nằm ngủ của C nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48E1-205.58 để bán lấy tiền tiêu xài. Thấy C ngủ say nên T lấy 01 ví da màu nâu, kích thước 20 x10^{cm}, bên ngoài góc phải có in chữ D&G *(bên trong có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 48E1-205.58 mang tên V; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 48E1-152.38; 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên C)*, 01 chìa khóa xe mô tô đi xuống khu vực phòng bếp dắt bộ xe mô tô biển kiểm soát 58đi đến khu vực đường bê tông thuộc Thôn Z, xã R, huyện Đ rồi nổ máy và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48E1-205.58 đi theo đường Hồ Chí Minh để về nhà ở tỉnh Bình Dương.

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 11/10/2020, T gọi điện thoại cho W ra quán cà phê ở phường A, T phố T, tỉnh Bình Dương để uống nước. Tại đây, T nói với W xe mô tô biển kiểm soát 58là của bạn T nhờ cầm cố nhưng không có giấy tờ tùy thân nên nhờ W đi cầm hộ và được W đồng ý và nói ngày mai sẽ đi cầm hộ xe mô tô cho T. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 58đến phòng

trọ của W và đưa xe mô tô, đăng ký xe mô tô, chứng minh nhân dân mang tên C cho W để đi cầm cố.

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 12/10/2020, W một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 58đến tiệm cầm đồ V tại – Lô D, khu phố B, phường T , T phố T, tỉnh Bình Dương gặp anh D là chủ tiệm cầm đồ V. Sau khi trao đổi thống nhất, anh D đồng ý nhận cầm cố cho W chiếc xe mô tô biển kiểm soát 58với số tiền 18.000.000 đồng. Sau khi cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48E1 – 205.58, W đón xe ôm quay lại đưa tiền cho T và được T cho 300.000 đồng. Số tiền 17.700.000 đồng và 300.000 đồng T, W đã tiêu xài cá nhân hết.

Sáng ngày 11/10/2020, anh C phát hiện bị mất chiếc xe mô tô biển kiểm soát 58 nên đã trình báo cơ quan Công an. Hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 58 của T đã bị phát hiện và được cơ quan điều tra mời làm việc. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 58.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 56/KL-HDĐGTS ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 58, có giá trị là 40.460.000 đồng; 01 ví da màu nâu, kích thước 20 x10^{cm}, bên ngoài góc phải có in chữ D&G, có giá trị là 40.000 đồng.

Bản cáo trạng số 01/CTr-VKS, ngày 07/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ Luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã phân tích, đánh giá tính chất vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

-Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và Điều 589. Buộc bị cáo T phải bồi thường cho người người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh D số tiền 18.000.000 đồng. Bị hại anh C và người có quyền lời nghĩa vụ liên quan V không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết .

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự. Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại

+ 01 ví da màu nâu, kích thước 20 x10^{cm}, bên ngoài góc phải có in chữ D&G; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 48E1-152.38; 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng Agribank cho anh C là chủ sở hữu hợp pháp.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 48E1-205.58; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 48E1-205.58 cho anh V là chủ sở hữu hợp pháp.

Anh D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 18.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiện tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án về hành vi trộm cắp tài sản của anh C. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 02giờ 00 phút, ngày 11/10/2020, tại Thôn Z, xã R, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của anh C. T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 58, có giá trị là 40.460.000 đồng; 01 ví da màu nâu, kích thước 20 x10^{cm}, bên ngoài góc phải có in chữ D&G, có giá trị là 40.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 40.500.000 đồng. Như vậy, xét xử bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự là không oan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.1] Tuy nhiên, Bản án số 164/2014/HSST ngày 12/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/9/2015 (ngày 19/02/2016 có hành vi phạm tội mới), chưa chấp hành xong án phí hình sự, dân sự và trách nhiệm bồi thường, nên chưa được xóa án tích. Bản án số 19/2017/HSST ngày 14/02/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09/04/2020 (ngày 11/10/2020 có hành vi phạm tội mới), chưa đóng án phí dân sự và bồi thường trách nhiệm dân sự. Ngày 11/10/2020, bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích (hai bản án nêu trên) nên phải chịu tình tiết định khung là *"Tái phạm nguy hiểm"* được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Nên hành vi của bị cáo bị xét xử theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

... ".

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thừa biết việc xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, bản tính lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng giá trị 40.500.000 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

[4] Nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, có hai tiền án và chưa được xóa án tích.

[5] Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Không có tình tiết tặng nặng quy định Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Bị cáo T khẩn khai báo, tại phiên tòa bị cáo đã thực sự tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh D số tiền 18.000.000 đồng.

- Bị hại anh C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh V không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự. Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại:

+ 01 ví da màu nâu, kích thước 20 x10^{cm}, bên ngoài góc phải có in chữ D&G; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 38; 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng Agribank cho anh C là chủ sở hữu hợp pháp.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 58; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 58 cho anh V là chủ sở hữu hợp pháp.

[9] Vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với W là người đi cầm cố hộ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 48E1 - 205.58 lấy 18.000.000 đồng, W không biết do trộm cắp mà có, do đó không xem xét xử lý đối với anh W.

- Đối với D khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 58 và không biết là tài sản do trộm cắp mà có, do đó không xem xét xử lý đối với D.

[10] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo T (tên gọi khác L) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

2.1. Xử phạt: Bị cáo T (tên gọi khác L) 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 23/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh D 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 900.000 đồng (*Chín trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn mười lăm ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-Sở tư pháp tỉnh ĐắkNông;
-VKS ND huyện ĐắkMil;
-Đội điều tra Công an huyện ĐắkMil;
-Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
-Bộ phận NVHS Công an huyện Đắk Mil;
-Chi cục THA DS huyện ĐắkMil;
-Các bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Hồng Duy